

Số: 1653 /TB-BVU

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 4 tháng 6 năm 2021

THÔNG BÁO
Tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2021

Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2021 như sau:

1. NGÀNH ĐÀO TẠO

| Stt | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|-----------|
| 1 | Quản trị kinh doanh | 8.340.101 |
| 2 | Đông phương học | 8.310.608 |
| 3 | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh | 8.140.111 |
| 4 | Công nghệ thông tin | 8.480.201 |
| 5 | Kỹ thuật hoá học | 8.520.301 |

2. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

- Hình thức đào tạo: **Chính qui**
- Thời gian đào tạo: **18 tháng** – Học vào các ngày thứ Bảy, chủ Nhật hằng tuần

3. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH: Thi tuyển

4. NỘI DUNG THI TUYỂN

Thi 3 môn, các môn thi cho mỗi chuyên ngành như sau:

| Stt | Môn thi Ngành | Môn cơ sở ngành | Môn cơ bản | Môn ngoại ngữ |
|-----|--|---------------------------------|--------------------------------|------------------|
| 1 | Quản trị kinh doanh | Kinh tế học | Quản trị học | Tiếng Anh (*) |
| 2 | Đông phương học | Lịch sử văn minh phương Đông | Cơ sở văn hóa Việt Nam | Tiếng Anh (*) |
| 3 | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh | Phương pháp GD tiếng Anh | Kỹ năng thực hành tiếng Anh | Tiếng Pháp (*) |
| 4 | Công nghệ thông tin | Tin học cơ sở | Toán rời rạc | Tiếng Anh (*) |
| 5 | Kỹ thuật hoá học | Hóa lý | Hóa hữu cơ | Tiếng Anh (*) |



(*) Ngoại ngữ: Một trong các ngoại ngữ sau: Tiếng Anh; Tiếng Trung; Tiếng Pháp (riêng ngành Lý luận và Phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng Anh môn ngoại ngữ dự thi đầu vào là tiếng Pháp hoặc tiếng Trung).

5. ĐIỀU KIỆN DỰ THI

Người dự thi phải đáp ứng các yêu cầu sau:

5.1 Điều kiện văn bằng

Người dự tuyển phải thỏa 1 trong các điều kiện về văn bằng như sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi (Đính kèm **PHỤ LỤC 01**);

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành dự thi và phải hoàn thành kiến thức bổ sung các môn qui định tại (Đính kèm **PHỤ LỤC 01**);

- Có bằng tốt nghiệp đại học do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải có giấy chứng nhận về văn bằng tốt nghiệp của Cục Quản lý chất lượng - Bộ GDĐT.

5.2 Điều kiện thâm niên công tác: không xét thâm niên công tác

5.3 Điều kiện về lý lịch

Lý lịch bản thân rõ ràng được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

5.4 Điều kiện về sức khỏe: có đủ sức khoẻ học tập

6. ĐIỀU KIỆN XÉT TRÚNG TUYỂN

Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi. Điểm xét tuyển là tổng điểm của môn Cơ sở ngành và môn Chuyên ngành; Môn ngoại ngữ/ môn ngoại ngữ 2 (đối với ngành LL-PPGD tiếng Anh).

7. ĐIỀU KIỆN MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ

Thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ nếu có 1 trong các bằng cấp, chứng chỉ thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài (sử dụng tiếng Anh), được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp đại học do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải có giấy chứng nhận về văn bằng tốt nghiệp của Cục Quản lý chất lượng - Bộ GDĐT.

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh;

- Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tối thiểu từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm từ ngày

cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ GD&ĐT cho phép hoặc công nhận (Đính kèm **PHỤ LỤC 1** Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ được miễn thi môn tiếng Anh).

8. CHẾ ĐỘ HỌC BỔNG, CHÍNH SÁCH CÁC ĐỐI TƯỢNG (áp dụng năm 2021)

8.1. Chế độ học bổng, chính sách các đối tượng

Học viên là cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên các trường THPT tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, cựu sinh viên BVU được giảm từ 10% - 50% học phí.

8.2 Điều kiện áp dụng chính sách học bổng và miễn giảm:

- Học bổng chính sách chỉ áp dụng cho những môn học lần 1 theo chương trình học, không áp dụng các môn học bổ sung kiến thức, học lại, học cải thiện, học chuẩn đầu ra và lệ phí.

- Học bổng chính sách chỉ áp dụng cho những học viên đóng tiền đúng hạn theo kỳ học (Theo thông báo đóng học phí của lịch trình kỳ học).

- Chính sách được áp dụng đến khi có thông báo mới thay thế.

9. THỜI GIAN PHÁT HÀNH, NHẬN HỒ SƠ THI TUYỂN

➤ **Phát hành hồ sơ:** kể từ ngày **01/06/2021**

➤ **Nhận hồ sơ:** đến hết ngày **31/8/2021**

Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

- Phiếu đăng ký dự thi theo mẫu của Trường.
- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền nơi cư trú.
- Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp và bảng điểm đại học.
- Giấy khám sức khỏe còn thời hạn.
- Bản sao công chứng các giấy tờ ưu tiên (nếu có).
- Bốn ảnh 3 x 4 mới nhất ghi rõ họ tên, ngày sinh ở mặt sau.

➤ **Đăng ký học bổ sung kiến thức và ôn thi :** Dự kiến tháng 9/2021

➤ **Thời gian và địa điểm thi:**

- Thời gian thi: Dự kiến các ngày 25, 26/9/2021
- Địa điểm học: Tại trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu

10. HỌC PHÍ, LỆ PHÍ

➤ **Học phí khoá học: 1.000.000đ/1 tín chỉ, toàn khóa có 60 tín chỉ.**

➤ **Lệ phí :**

- Học phí học bổ sung kiến thức: 800.000 đồng/tín chỉ.
- Lệ phí ôn thi: 1.000.000 đồng/môn thi.

VÀ
G
C
GTÀI

h.

- Lệ phí thi: 200.000 đồng/môn thi.
- Lệ phí đăng ký dự thi: 60.000 đồng/hồ sơ.

11. ĐỊA CHỈ PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ

Thông tin chi tiết, thí sinh liên hệ: Viện Đào tạo Quốc tế & Sau Đại học.

Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu, 01 Trương Văn Bang, P.7, Tp. Vũng Tàu.

ĐT: (0254) 7305456 - (3299); DĐ: 0962.292.519 – Thầy Hùng, 0909.151.067 – Cô Duyên.

Website: <https://sdh.bvu.edu.vn/> - Email: saudaihoc@bv.edu.vn

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐQT/TGD: (b/c);
- Ban Giám hiệu;
- Phòng TC-KT;
- Thông báo Egov/ Website;
- Lưu: VT, Viện ĐTQT&SDH.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Nguyễn Lộc

ĐÀO TẠO



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC I
THÔNG TIN TUYỂN SINH THẠC SỸ

(Đính kèm Thông báo số 1653/TB-BVU ngày 04 / 6 /2021 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu)

| Nội dung | Diễn giải | Các môn bổ sung kiến thức | | Ghi chú |
|---|--|---|--------------------------------------|--|
| | | Tên môn | Số Tín chỉ | |
| Tuyển sinh ngành Quản trị kinh doanh | | | | |
| Ngành đúng | Ngành, chuyên ngành ghi trên bằng tốt nghiệp, bằng điểm tốt nghiệp đại học là Quản trị kinh doanh | Không | - | |
| Ngành phù hợp | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống | Không | - | |
| Ngành gần | Tài chính-Ngân hàng; Kế toán; Quản trị nhân lực; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Bảo hiểm; Bất động sản; Khoa học quản lý; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng. | - Quản trị tài chính - Quản trị sản xuất - Quản trị chiến lược - Quản trị marketing - Quản trị nguồn nhân lực | 2 2 2 2 2 | Các ngành khác thuộc khối ngành kinh tế, quản lý và kinh doanh, căn cứ bằng điểm đại học để xác định khối lượng các môn học bổ sung |
| Ngành khác | Các ngành khác (tất cả các ngành đào tạo đại học trừ các ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần nêu trên) | - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô - Quản trị tài chính - Quản trị sản xuất - Quản trị chiến lược - Quản trị marketing - Quản trị nguồn nhân lực - Quản trị học | 2 2 2 2 2 2 2 2 | Trường hợp người có bằng tốt nghiệp ngành khác đăng ký dự thi vào ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý thì phải có tối thiểu 2 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi. |
| Tuyển sinh ngành LL&PPDHBM tiếng Anh | | | | |
| Ngành đúng | Ngành, chuyên ngành ghi trên bằng tốt nghiệp, bằng | Không | - | |

h.

| Nội dung | Diễn giải | Các môn bổ sung kiến thức | | Ghi chú |
|---|---|---|------------------|---------|
| | | Tên môn | Số Tín chỉ | |
| | điểm tốt nghiệp đại học là Su phạm tiếng Anh | | | |
| Ngành phù hợp | Ngành Ngữ văn Anh (chuyên ngành Văn hoá và văn học Anh-Mỹ, Biên-phiên dịch) hoặc ngành Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành Tiếng Anh thương mại, Tiếng Anh du lịch hoặc Biên-phiên dịch) | - Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm - Quản lý lớp học - Phương pháp giảng dạy tiếng Anh | 3 3 3 | |
| Tuyển sinh ngành Công nghệ thông tin | | | | |
| Ngành đúng | Khoa học máy tính Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu Kỹ thuật phần mềm Hệ thống thông tin Kỹ thuật máy tính Công nghệ kỹ thuật máy tính Công nghệ thông tin An toàn thông tin | Không | - | |
| Ngành phù hợp | Toán học Khoa học tính toán Toán ứng dụng Toán cơ Toán tin Thống kê | - Tổ chức dữ liệu và xây dựng thuật toán - Máy tính và mạng máy tính | 3 3 | |
| Ngành gần | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa Kỹ thuật cơ điện tử Kỹ thuật điện tử - viễn thông Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá Vật lý kỹ thuật | - Kỹ thuật viết chương trình cho máy tính - Tổ chức dữ liệu và xây dựng thuật toán - Cơ sở dữ liệu - Máy tính và mạng máy tính | 3 3 3 3 | |
| Tuyển sinh ngành Đông phương học | | | | |
| Ngành đúng và phù hợp | Đông phương học, Châu Á học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Quốc tế học, Khu vực Thái Bình Dương học. | Không | | |
| Ngành gần | Việt Nam học, Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Á rập, Ngôn ngữ Hàn | - Các giai đoạn lớn của lịch sử phương Đông | 2 | |

| Nội dung | Diễn giải | Các môn bổ sung kiến thức | | Ghi chú |
|--|--|--|------------|---|
| | | Tên môn | Số Tín chỉ | |
| | Quốc, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Nhật Bản, Quan hệ quốc tế, Sư phạm tiếng Nhật, Sư phạm tiếng Trung. | - Văn hóa phương Đông - Đặc điểm và loại hình - Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương | 2 2 | |
| Ngành KHXH và NV | Ngữ văn, Báo chí, Triết học, Nhân học, Xã hội học, Du lịch, Địa lý học, Dân tộc học, Giáo dục học, Lịch sử Việt Nam, Khoa học quản lý, Bảo tàng học, Khảo cổ học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Chính trị học, Tâm lý học. | - Các giai đoạn lớn của lịch sử phương Đông | 2 | |
| | | - Văn hóa phương Đông – đặc điểm và loại hình | 2 | |
| | | - Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương | 2 | |
| | | - Ngôn ngữ học và các ngôn ngữ phương Đông | 2 | |
| | | - Đông phương học – một khoa học | 2 | |
| Ngành khác | Ngoài 2 nhóm ngành phù hợp và ngành gần | - Các giai đoạn lớn của lịch sử phương Đông | 2 | Các trường hợp đặc biệt: Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Viện Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật quyết định |
| | | - Văn hóa phương Đông – đặc điểm và loại hình | 2 | |
| | | - Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương | 2 | |
| | | - Ngôn ngữ học và các ngôn ngữ phương Đông | 2 | |
| | | - Đông phương học – một khoa học | 2 | |
| | | - Lý luận QHQT và QHQT ở phương Đông | 2 | |
| | | - Lý luận về nhà nước và nhà nước phương Đông trong lịch sử | 2 | |
| Tuyển sinh ngành Kỹ thuật hóa học | | | | |
| Ngành đúng | Công nghệ, kỹ thuật hóa học (lọc-hóa dầu, hóa hữu cơ, hóa vô cơ, hóa lý, hóa phân tích, quá trình - thiết bị công nghệ hoá học và thực phẩm...) | Không | | |
| Ngành phù hợp | Môi trường (Công nghệ kỹ thuật môi trường, kỹ thuật môi trường, ...); Vật liệu (Công nghệ vật liệu, kỹ thuật vật liệu, ...); Hóa dược; Sư phạm hóa học, cử nhân hóa học; Chế biến lương thực, thực | Không | | |

SC
TRI
ĐẠI
RIÀ

l

| Nội dung | Diễn giải | Các môn bổ sung kiến thức | | Ghi chú |
|------------------|--|--|--|--|
| | | Tên môn | Số Tín chỉ | |
| | phẩm và đồ uống (Công nghệ thực phẩm, kỹ thuật thực phẩm, công nghệ sau thu hoạch, đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, công nghệ sinh học thực phẩm ..) | | | |
| Ngành gần | Kỹ thuật dầu khí (khoan và khai thác dầu khí, địa chất dầu khí, ...); Sư phạm sinh học, cử nhân sinh học; Công nghệ sinh học, kỹ thuật sinh học, sinh học ứng dụng; Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Tốt nghiệp đại học các nhóm ngành kỹ thuật trong, ngoài nước và hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực kỹ thuật hóa học, dầu khí từ 5 năm trở lên. | <ul style="list-style-type: none"> - Quá trình và thiết bị cơ học; - Quá trình và thiết bị truyền nhiệt; - Quá trình và thiết bị truyền khối; - Vẽ kỹ thuật và Autocad; - Công nghệ chế biến dầu khí; - Hóa hữu cơ; - Hóa vô cơ; - Hóa phân tích; - Vi sinh thực phẩm | <ul style="list-style-type: none"> 2 2 2 2 2 2 2 2 | Tùy theo các chuyên ngành thạc sĩ kỹ thuật hóa học mà học viên đăng ký học (kỹ thuật hóa học, hóa thực phẩm hoặc hóa sinh ứng dụng), danh sách các môn học bổ sung kiến thức đối với từng trường hợp cụ thể do Hội đồng Khoa học & Đào tạo của Viện Kỹ thuật-Kinh tế biển xem xét quyết định |

1. Điều kiện được miễn thi môn ngoại ngữ

| Ngành tuyển | Điều kiện miễn thi ngoại ngữ |
|---|---|
| <p>(1) Quản trị kinh doanh</p> <p>(2) Công nghệ thông tin</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài (sử dụng tiếng Anh), được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành; - Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ GD&ĐT về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài (nước sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh) cùng cấp bằng; - Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh; - Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tối thiểu từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ GD&ĐT cho phép hoặc công nhận (Đính kèm |

h.c

| Ngành tuyển | Điều kiện miễn thi ngoại ngữ |
|-----------------------------|---|
| | <i>Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ được miễn thi môn tiếng Anh).</i> |
| (3) Kỹ thuật hóa học | <ul style="list-style-type: none"> - Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài (sử dụng tiếng Anh), được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành; - Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ GD&ĐT về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài (nước sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh) cùng cấp bằng; - Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh; - Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tối thiểu từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ GD&ĐT cho phép hoặc công nhận (Đính kèm Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ được miễn thi môn tiếng Anh). |
| (4) Đông phương học | <ul style="list-style-type: none"> - Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành; - Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng, có bằng tốt nghiệp các chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận; - Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài là một trong các ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật; - Thí sinh có chứng chỉ/chứng nhận B1, B2 của các cơ sở đào tạo: Trường ĐH Ngoại ngữ – ĐHQG Hà Nội, Trường ĐH Hà Nội, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, Trường ĐH Sư phạm TP HCM, Trung tâm SEAMEO RETRAC, Trường ĐH Ngoại ngữ – ĐH Đà Nẵng, Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế, Trường ĐH Thái Nguyên, Trường ĐH Vinh, Trường ĐH Cần Thơ; - Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ được quy định tối thiểu cấp độ B1 trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Chứng chỉ tiếng Anh: IELTS 4.5, TOEFL (450 PBT/ITP 133 CBT 45 iBT), TOEIC 450, CambridgeExam (Preliminary PET), BULATS 40, BEC (Business Preliminary), VNU-EPT 210; + Chứng chỉ tiếng Pháp: DELF B1 hoặc TCF niveau B1; + Chứng chỉ tiếng Nhật: JLPT N3; + Chứng chỉ tiếng Trung: HSK cấp độ 3; |



| Ngành tuyển | Điều kiện miễn thi ngoại ngữ |
|-------------------------------|---|
| | + Chứng chỉ tiếng Đức: B1 ZD; + Chứng chỉ tiếng Nga: TRKI 1. Chú ý: Ngôn ngữ Hàn Quốc phải thi đầu vào |
| (5) LL&PPDHBM tiếng Anh | - Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài (sử dụng ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ 2), được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành; - Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ GD&ĐT về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài (nước sử dụng ngôn ngữ Pháp/Trung/Nhật) cùng cấp bằng; - Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Pháp/Trung/Nhật; - Có một trong các chứng chỉ trình độ ngoại ngữ sau đây trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ GD&ĐT cho phép hoặc công nhận: + Chứng chỉ tiếng Pháp: DELF B1 hoặc TCF niveau 3; + Chứng chỉ tiếng Nhật: JNPT N4; + Chứng chỉ tiếng Trung: HSK cấp độ 3. |

Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ (do các tổ chức khảo thí ngoại ngữ quốc tế cấp hợp pháp) được xét miễn thi môn ngoại ngữ

Miễn thi môn Tiếng Anh

| Khung năng lực ngoại ngữ VN | IELTS | TOEFL | TOEIC | Cambridge Exam | BEC | BULATS | CEFR |
|-----------------------------|-------|------------------------------|-------|----------------|-------------|--------|------|
| Cấp độ 3 | 4.5 | 450 ITP 133 CBT 45 iBT | 450 | PET | Preliminary | 40 | B1 |

Miễn thi các ngoại ngữ khác

| Khung năng lực ngoại ngữ VN | Tiếng Pháp | Tiếng Trung | Tiếng Nhật |
|-----------------------------|-------------------------|--------------|------------|
| Cấp độ 4 | DELF B2 TCF niveau 4 | HSK cấp độ 4 | JLPT N3 |

3. Đối tượng và chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

a. Đối tượng ưu tiên

- Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền

h

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh
- Con liệt sĩ
- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động
- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học

b. Mức ưu tiên

- Đối với tuyển sinh ngành QTKD: Được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn Quản trị học
- Đối với tuyển sinh ngành LL&PPDHBM tiếng Anh: Được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ 2 (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ 2 và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn Phương pháp giảng dạy tiếng Anh
- Đối với tuyển sinh ngành CNTT: Được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ 2 (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ 2 và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn Tin học cơ sở
- Đối với ngành KTHH: Được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn Hóa lý.
- Đối với ngành Đông phương học: Được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng 1 điểm (thang điểm 10) cho môn Lịch sử văn minh phương Đông.
- Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.

c. Đặc cách

- Đặc cách cho thí sinh ngành đúng và ngành phù hợp có thành tích về khoa học công nghệ cấp quốc gia.